

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty niêm yết: Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ

Năm 2012

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3800311306 thay đổi lần 5 ngày 16/3/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.
- Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
 - ✓ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ.
 - ✓ Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.
- Địa chỉ: Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Số điện thoại: 0651.2245094 Fax: 0651.3778268
- Website: www.tmhpp.com.vn
- Mã cổ phiếu: TMP

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công thương và hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4403000108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3800311306 đã thay đổi lần thứ 5 ngày 16/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

- Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ đã 3 lần thay đổi tên gọi cho phù hợp với mô hình hoạt động của công ty: “Nhà máy thủy điện Thác Mơ” chính thức chuyển đổi thành “Công ty Thủy điện Thác Mơ” vào năm 2005 và chuyển đổi thành “Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ” năm 2008.

- Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1 Ngành nghề kinh doanh



- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp. Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; Chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp;
- Trồng khai thác cây lâm nghiệp;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ nhà nghỉ;
- Dịch vụ du lịch;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện.

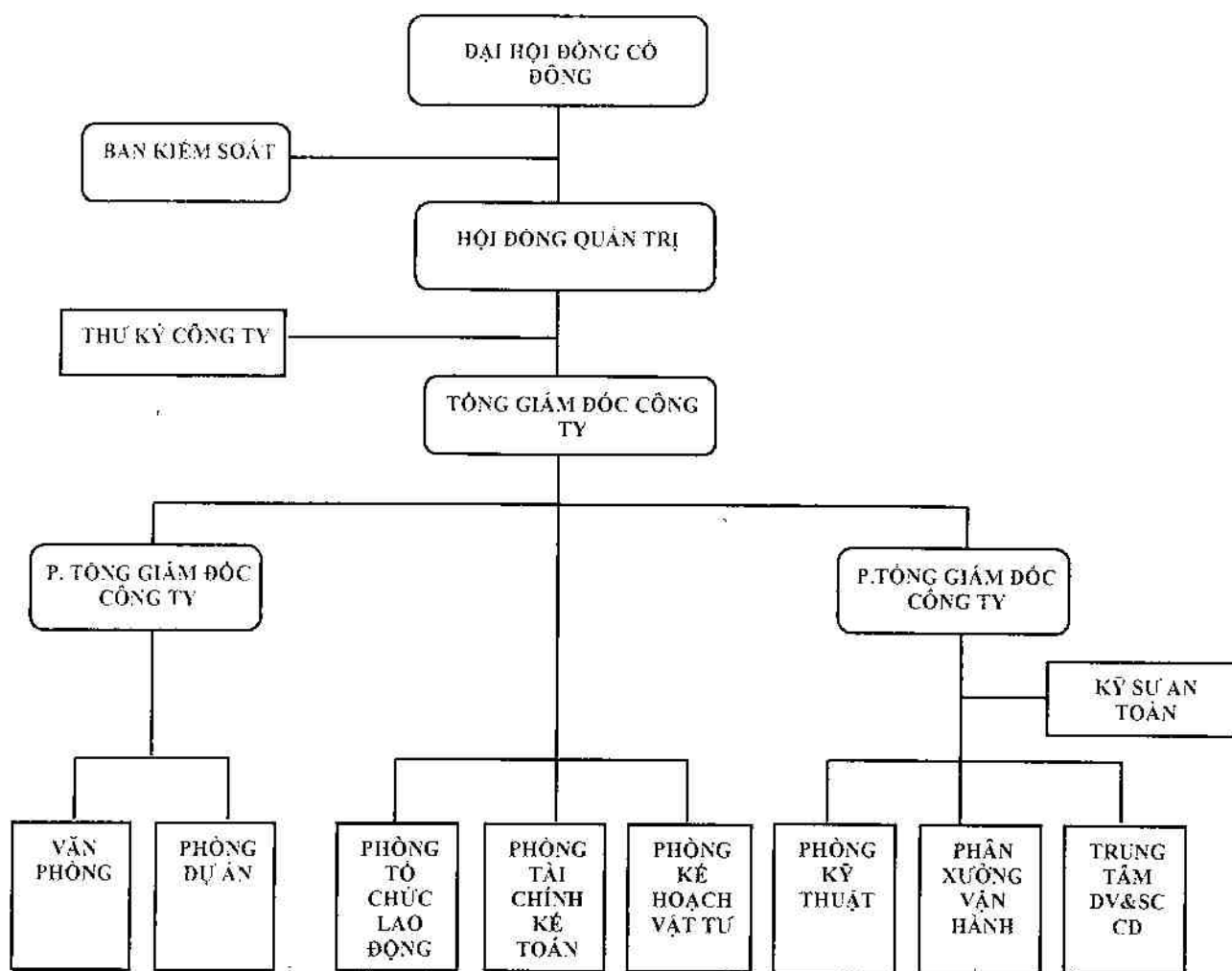
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng.

3.2 Địa bàn kinh doanh:

- Địa bàn hoạt động kinh doanh chính tại Tỉnh Bình Phước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị của Công ty



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý: Gồm 01 Chi nhánh, 01 Phân xưởng, 06 phòng ban chuyên môn nghiệp vụ.

✓ Trung tâm dịch vụ và sửa chữa cơ điện: Có chức năng theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng, thực hiện công tác đại tu, sửa chữa các thiết bị công trình, hệ thống thiết bị vận hành của Công ty; Quản lý và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống các công trình thủy công, công trình kiến trúc; Thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa và thí nghiệm các thiết bị điện.

✓ Phân xưởng vận hành: Là đơn vị trực tiếp sản xuất, phân xưởng vận hành có chức năng trực tiếp quản lý, vận hành dây chuyền sản xuất điện theo quy trình, quy phạm, kế hoạch và phương thức huy động của điều độ các cấp và theo kế hoạch của Công ty giao đồng thời phối hợp với các đơn vị để đảm bảo vận hành an toàn liên tục cho 2 tổ máy.

Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ:

✓ Văn phòng: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo quản lý tài sản, thiết bị văn phòng; Quản lý và sắp xếp các công việc liên quan đến hành chính và văn thư lưu trữ; thi đua tuyên truyền, hành chính quản trị, lễ tân phục vụ, y tế, đời sống CBCNV của Công ty.

✓ Phòng Dự án: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty về công tác phát triển các dự án mới và quản lý kỹ thuật xây dựng các dự án do Công ty làm chủ đầu

tư xây dựng, công tác xây dựng cơ bản của Công ty theo đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành của Nhà Nước.

✓ Phòng Tổ chức – Lao động: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, sắp xếp nhân sự cao cấp, lao động tiền lương, chế độ BHXH, BHYT...

✓ Phòng Tài chính Kế toán: Thực hiện chức năng chuyên môn về tài chính, kế toán theo quy định của “Luật Kế toán”. Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty về công tác quản lý tài chính, kế toán, thống kê của Công ty; Lập, lưu trữ, kiểm tra, kiểm soát toàn bộ các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực Tài chính- Kế toán tại Công ty theo đúng quy định của Nhà nước.

✓ Phòng Kế hoạch – Vật tư: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch vật tư; thống kê, tổng hợp, công tác dự toán đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn các công trình, thiết bị; trực tiếp quản lý và cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

✓ Phòng Kỹ thuật: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật, phương thức vận hành nâng cấp và mở rộng sản xuất, điều hành sản xuất, công tác kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, phòng chống lụt bão.

4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

♦ Công ty con: Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên

✓ Địa chỉ: số 160 Trần Phú, Xã Lộc Nga, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng

✓ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,65%

✓ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

✓ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800581747 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 08 tháng 07 năm 2008. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 10 tháng 04 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 đồng.

✓ Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên hiện nay là đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Đại Nga, Dự án này đã được Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số: 42121000217 ngày 12 tháng 5 năm 2010.

✓ Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất kinh doanh điện năng.

♦ Công ty con: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa

✓ Địa chỉ: Số 117, Lê Đại Hành, TP. Pleiku, Gia Lai

✓ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60,69%

✓ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60,69%

✓ Công ty cổ phần thủy điện Đăkrosa là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900189597 cấp lần đầu ngày 27/12/1999. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 14/11/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

✓ Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa là sản xuất kinh doanh điện năng.

♦ Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình

✓ Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 20%

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2013:

- Đảm bảo vận hành, phát triển ổn định, liên tục và an toàn hai tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Tham gia thị trường điện cạnh tranh, tính toán khai thác tối ưu hồ chứa nhằm đạt sản lượng cao nhất.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trung và dài hạn.

- Phát huy hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 vào mọi mặt hoạt động SXKD.

- Hoàn thành xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2007.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng văn hoá doanh nghiệp.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đảm bảo các thiết bị điện vận hành an toàn liên tục, duy trì sản lượng điện sản xuất của Công ty ổn định, giảm thiểu tối đa các chi phí sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cơ bản của các cổ đông vượt mức kế hoạch.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên kỹ thuật hùng mạnh; Tăng thêm thu nhập cho nhân viên trong công ty.

- Mở rộng cung cấp dịch vụ như sửa chữa, bảo trì, đào tạo cho các khách hàng trong khu vực, góp phần bổ sung vào tổng doanh thu của công ty.

- Đầu tư các dự án nguồn điện.

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, nâng cao vai trò, vị thế và thương hiệu Công ty.

6. Các rủi ro:

- Không chủ động được kết quả sản lượng sản xuất điện do nguồn nước về lệ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu càng nghiêm trọng và không lường trước được.

- Môi trường kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ ngày càng cạnh tranh khốc liệt, đòi hỏi sự nhanh nhạy, kỹ năng phân tích thị trường, kịp thời nắm bắt cơ hội của đội ngũ cán bộ quản lý.

- Công tác đầu tư các dự án nguồn điện còn gặp nhiều khó khăn do nguồn vốn ưu đãi lãi suất thấp khan hiếm, phải vay vốn ngân hàng thương mại lãi suất cao; suất đầu tư không hiệu quả.

- Vị trí Công ty nằm ở vùng xa trung tâm, khó tiếp cận nhiều đối tác để mở rộng hoạt động SXKD và dịch vụ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2012 điều kiện khí tượng thủy văn thuận lợi, sản lượng giao nhận của công ty năm 2012 đạt 946,69 triệu KWh. Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2012 đạt 146.394 triệu đồng.

2. Tổ chức và nhân sự :

2.1 Danh sách ban điều hành:

- **Nguyễn Thanh Phú: Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc**

Số cổ phiếu nắm giữ: 20.057 chiếm tỷ lệ 0,029%

Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/04/1962
Nơi sinh:	Xã Tam An - H.Long Thành - Tỉnh Đồng Nai
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	271019942 cấp ngày 21/11/2012 - Đồng Nai
Quê quán:	Xã Tam An - H.Long Thành - Tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ thường trú:	17B1. KP 1 - Bửu Long - Biên Hoà - Đồng Nai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Hệ thống điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
Từ tháng 12/1984 - 12/1985:	Kỹ sư phòng Kỹ thuật. Ban quản lý công trình thủy điện Trị An.
Từ tháng 1/1986 - 12/1987:	Tập sự trưởng ca - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 01/1988 - 01/1990:	Trưởng ca vận hành - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 2/1990 - 10/1990:	Kỹ sư thí nghiệm - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 11/1990 - 08/1993:	Phó Quản đốc phân xưởng - Tổ trưởng tổ thí nghiệm - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 9/1993 - 12/1996:	Quản đốc PXSC cơ điện - NMTĐ Trị An
Từ tháng 1/1997 - 6/2006	Phó giám đốc - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 7/2006 - 11/2006	Phó giám đốc - Công ty thủy điện Thác Mơ

Từ tháng 11/2006 - 12/2007	Giám đốc - Công ty thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 1/2008 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 03/2011 đến nay	Tổng giám đốc công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ

- Lê Minh Tuấn: Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 chiếm tỷ lệ 0%

Lê Minh Tuấn	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	22/04/1974
Nơi sinh:	Tự Phước, TP. Đà Lạt- Tỉnh Lâm Đồng
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	024333977, cấp ngày 29/05/2009- TP. HCM
Quê quán:	Huyện Điện Bàn- Tỉnh Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 28 - KP 6 - Đường ĐHT 44 - P. Tân Hưng Thuận - Quận 12 - Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản lý Hệ thống điện
Quá trình công tác:	
Từ tháng 07/1996 đến 07/1997:	Kỹ sư thiết kế trạm điện - Công ty TNHH MAPRO TP.HCM
Từ tháng 08/1997 đến 06/1999:	Trưởng ca tập sự - Phân xưởng Vận hành Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 07/1999 đến 03/2004:	Trưởng ca - Phân xưởng Vận hành Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 04/2004 đến 09/2008:	Phó Quản đốc - Phân xưởng Vận hành Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 10/2008 đến 02/2009:	Phó phòng Kỹ thuật (quyền trưởng phòng) - Công ty thủy điện Trị An.
Từ tháng 03/2009 đến 11/2009:	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ

Từ tháng 12/2009 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 05/2011 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ

- **Đinh Văn Sơn: Phó Tổng giám đốc**

Số cổ phiếu nắm giữ: 12.838 chiếm tỷ lệ 0,018%

Đinh Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc
Nơi sinh:	Xã Tân Sơn - huyện Đô Lương - tỉnh Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	191204073 cấp ngày 29/02/1996-Thừa Thiên Huế
Quê quán:	Xã Phú Mậu - Phú Vang - Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	236 Bạch Đằng - Phường Phú Hiệp - T/P Huế
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
Từ tháng 12/1993 - 6/1994:	Nhân viên - Ban CBSX - NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 6/1994 - 1/1998:	Trưởng nhóm kích từ - Tổ thí nghiệm - PXSC - NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 2/1998 - 12/2000:	Tổ trưởng tổ thí nghiệm thông tin kiểm tra nhóm tự động - PXSC - NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 12/2000 - 5/2004:	Phó quản đốc, kiêm Tổ trưởng tổ thí nghiệm thông tin - PXSC - NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 6/2004 - 7/2007:	Quản đốc, kiêm Tổ trưởng tổ thí nghiệm thông tin - PXSC - Công ty Thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 8/2007 - 3/2008:	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 4/2008 - 3/2009:	Trưởng phòng Kế hoạch vật tư - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 09/03/2009 - đến nay:	Trưởng phòng Dự án - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ

Từ tháng 07/04/2009 - 5/2011:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 5/2011 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ

- **Huỳnh Văn Khánh: Kế toán trưởng**

Số cổ phiếu nắm giữ: 1.000 chiếm tỷ lệ 0,0014%

Huỳnh Văn Khánh	Kế toán trưởng
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/10/1968
Nơi sinh:	TT Sơn Tịnh - huyện Sơn Tịnh - Quảng Ngãi
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	285112833 cấp ngày 04/04/2002 - Bình Phước
Quê quán:	TT Sơn Tịnh - huyện Sơn Tịnh - Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	Khu 3, P.Long Thủy - Phước Long - Bình Phước
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ tháng 11/1994 - 2/1995:	Nhân viên Kế toán Công ty phát triển đô thị và khu công nghiệp - Long Thành - Đồng Nai.
Từ tháng 7/1995 - 12/2001:	Nhân viên Kế toán - Phòng Kế toán tài chính NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 1/2002 - 6/2004:	Phó phòng Kế toán tài chính NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 7/2004 - 8/2004:	Phó phòng Kế hoạch Vật tư NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 9/2004 - 2/2006	Phó Phòng Dự án NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 3/2006 - 7/2007	Phó phòng Kế hoạch Vật tư CTĐ Thác Mơ
Từ tháng 8/2007 - 3/2008	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư CTĐ Thác Mơ
Từ tháng 4/2008 đến nay:	Kế toán trưởng - phòng Tài chính kế toán - CTCP TĐ Thác Mơ

2.2 Tình hình lao động hiện nay

Số lượng lao động của Công ty đến 31/12/2012 là: 139 lao động

Phân theo trình độ:

✓ Thạc sỹ	:	06 người	chiếm 4,31 %
✓ Đại học	:	48 người	chiếm 34,53 %
✓ Cao đẳng, trung cấp	:	44 người	chiếm 31,66 %
✓ Công nhân	:	41 người	chiếm 29,50 %

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a. Đào tạo

Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ luôn chú trọng về đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty vì đó là nhân tố quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp.

Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo thích hợp, dưới nhiều hình thức: đào tạo nâng cấp, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ bằng các hình thức như đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo bồi dưỡng tại chỗ, đào tạo theo đề án qua các hình thức hội thảo, hội nghị chuyên đề, học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị.

Quy hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực phải được xây dựng phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm và các năm tiếp theo. Đối tượng được đào tạo áp dụng cho mọi CBCNV.

b. Lương, thưởng

Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc phân phối tiền lương cho CBCNV trong Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động (dựa vào số lượng, chất lượng và hiệu quả đóng góp của từng người)

Công ty trả lương theo hệ số cấp bậc chức vụ được xác định trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động.

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho Công ty, Công ty đã áp dụng nhiều hình thức thưởng:

- ◆ Thưởng lương tháng thứ 13
- ◆ Thưởng Vận hành an toàn
- ◆ Thưởng sáng kiến kỹ thuật

Phạm vi và đối tượng xét thưởng: bao gồm các CBCNV của tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng thuộc cơ cấu tổ chức sản xuất của Công ty.

Đối tượng không áp dụng: CBCNV thực hiện hợp đồng mùa vụ hoặc hợp đồng khoán gọn.

c. Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên (riêng đối với CBCNV nữ được tổ chức khám sức khỏe hai lần trong năm). Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm toàn diện con người cho toàn thể CBCNV.

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe.

Trợ cấp ốm đau, thai sản, nghỉ việc ... áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.

2.3 Xây dựng văn hoá doanh nghiệp:

Mọi tổ chức, công ty đều có văn hóa mang nét đặc thù riêng của mình, bao gồm những giá trị, những yếu tố mang tính văn hóa mà doanh nghiệp tự tạo ra trong quá trình SXKD, mang bản sắc của doanh nghiệp. Chính vì vậy, xây dựng văn hoá doanh nghiệp là một yêu cầu tất yếu của chính sách phát triển thương hiệu, vì thông qua hình ảnh văn hóa doanh nghiệp sẽ góp phần quảng bá thương hiệu của Công ty.

Từ nhu cầu trên, Công ty ban hành bộ tài liệu “Văn hoá Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ” vào ngày 14/01/2011, thể hiện được tầm nhìn, sứ mệnh của công ty; nêu lên đầy đủ Hệ 8 giá trị cốt lõi mà công ty quyết tâm xây dựng (bao gồm: Chuyên nghiệp – Sáng tạo; Tận tâm – Quyết liệt; Hợp tác – Chia sẻ; Trung thành – Nhân văn); Thể hiện 5 nguyên tắc đạo đức mà mọi thành viên công ty tự hào noi theo với tôn chỉ vì con người, hướng đến người lao động, những quan hệ tích cực, trung thực, hợp tác, phát huy cao độ trí tuệ và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Việc triển khai thực hiện văn hoá doanh nghiệp phải qua từng giai đoạn với những tính chất và nội dung khác nhau. Tính đến hết ngày 20/03/2013, Công ty đã và đang thực hiện xây dựng giá trị “chuyên nghiệp” tập trung vào 3 lĩnh vực:

- Xây dựng con người “chuyên nghiệp”: Phát huy mọi nguồn lực CBCNV, bổ sung, cập nhật kiến thức chuyên môn và kỹ năng làm việc cần thiết được tiến hành qua các khoá đào tạo, bồi dưỡng, tìm tòi các tài liệu phục vụ nghiên cứu...

- Xây dựng cách xử lý công việc “Chuyên nghiệp”: Tất cả công việc cần được phân tích, chia nhỏ và thiết kế theo một trình tự, một quy trình nhất định được chuẩn hóa. Tất cả mọi công việc đều phải được thường xuyên thực hiện theo đúng quy trình đề ra, mọi sự thay đổi khác với quy trình phải được ghi nhận và có điều chỉnh phù hợp.

- Xây dựng môi trường làm việc “Chuyên nghiệp”: Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng.

Nhiệm vụ của Công ty trong thời gian tới :

- Việc xây dựng thành công văn hoá doanh nghiệp phụ thuộc quyết tâm cùng chung tay thực hiện của toàn thể CBCNV trong Công ty, để mỗi CBCNV là một tuyên truyền viên về văn hoá doanh nghiệp, quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty ra bên ngoài.

- Để thực hiện được điều này, các thành viên trong Ban văn hoá doanh nghiệp cũng như toàn thể CBCNV trong Công ty phải kiên quyết thực hiện được kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn xây dựng và thực thi văn hóa.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty luôn chú trọng việc tham gia góp vốn đầu tư dài hạn vào các dự án phát triển nguồn điện chi tiết như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Dự án	Năm 2011	Năm 2012	Tổng vốn đã góp
1	Công ty CP Thủy Điện Sesan 4	9,978	0	9,978
2	Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	1,10	0	1,10
3	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149,58	0	149,58
4	Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	26,974	0	0
5	Công ty CP ĐTKT Hồ thủy điện Thác Mơ	0	1,4	1,4
Tổng cộng		187,632	1,4	162,058

- Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Dự án	Năm 2011	Năm 2012	Tổng vốn đã góp
I	Công ty con:	39,017	95,475	134,492
1	Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	39,017	47,203	86,220
2	Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	0	48,272	48,272
II	Công ty liên kết	2,4	0,2	2,6
1	Công ty CP Phong điện Thuận Bình	2,4	0,2	2,6
Tổng cộng		41,417	95,675	137,092

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.323.345.188.827	1.466.030.777.775	10,78%
Doanh thu thuần	374.293.380.995	516.354.628.139	37,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	98.893.592.590	196.213.857.217	98,4%
Lợi nhuận khác	532.143.205	1.145.035.720	115,2%
Lợi nhuận trước thuế	99.476.626.643	197.368.683.960	98,4%
Lợi nhuận sau thuế	74.611.692.694	146.394.150.592	96,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%		

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	lần	1,65	1,89
+ Hệ số thanh toán nhanh:	lần	0,43	1,11
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38,72	36,50
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	63,18	59,72
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	vòng	35,29	40,48
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	28,28	35,22
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	19,93	28,35
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,20	16,34
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,64	9,99
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	26,42	38,00

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần: Tổng số cổ phần là 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

✓ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ.

✓ Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Tên Cổ đông	Số cổ phần phổ thông	Tỷ lệ góp vốn
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	36.341.500	51,92%
2	Công ty tài chính cổ phần Điện lực	16.109.210	23%
3	Công ty cổ phần Cơ điện lạnh	8.723.020	12,46%
4	Cổ đông nước ngoài	38.426	0,0548%
5	Tổ chức, cá nhân khác	8.787.844	12,56%
6	Tổng cộng	70.000.000	100%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong năm 2012, về cơ bản Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, sản lượng điện giao nhận đạt 946,69 triệu kWh vượt 27% so với kế hoạch được Đại hội cổ đông năm 2012 đề ra (743,5 triệu kWh), để đạt được những kết quả như Công ty đã quyết liệt thực hiện nhiều giải pháp:

✓ Luôn theo dõi sát diễn biến lưu lượng nước về, phối hợp với Trung tâm điều độ Quốc gia có kế hoạch khai thác tối ưu hồ chứa mang lại kết quả cao.

✓ Công ty cũng đặc biệt chú trọng công tác sửa chữa lớn trung - đại tu, hoàn thành kế hoạch sửa chữa thường xuyên thiết bị và kiểm tra duy tu hệ thống để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho vận hành công trình.

✓ Công tác vận hành thường xuyên kiểm tra phát hiện các sự cố hư hỏng thiết bị giúp công tác sửa chữa được kịp thời.

- Quản lý doanh thu, thu nhập: Tổng doanh thu năm 2012 của Công ty là 537,934 tỷ đồng, trong đó :

+ Doanh thu sản xuất điện là 509,097 tỷ đồng

+ Doanh thu kinh doanh dịch vụ là 7,257 tỷ đồng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính là 9,032 tỷ đồng.

+ Thu nhập khác là 12,548 tỷ đồng.

✓ Quản lý chi phí: Đơn vị đã theo dõi, quản lý và hạch toán chi phí sửa chữa lớn, chi phí sửa chữa thường xuyên, bảo trì máy móc thiết bị, nhà xưởng, chi phí quản lý doanh nghiệp phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán hiện hành. Tổng chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2012 là 340.566 triệu đồng

2. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.323.345.118.827	1.466.030.777.775	10,78%
Nợ phải trả	512.382.732.015	535.110.578.893	4,44%

Trong năm 2012, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là Báo cáo hợp nhất của ba Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ – Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên – Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa, do đó các chỉ tiêu Tổng tài sản và Nợ phải trả của năm 2012 tăng so với năm 2011.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2012, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao. Tổ chức quản lý, vận hành hai tổ máy sản xuất điện liên tục, an toàn và ổn định, tham gia khảo sát, tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án thủy điện nhỏ, thực hiện các hợp đồng dịch vụ, tổ chức biên soạn quy chế quản lý nội bộ, ký kết hợp đồng kinh tế, tài chính, thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước. Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh Hội đồng quản trị luôn tuân thủ theo mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

- Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho đơn vị thông qua các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đạt được. Lợi nhuận từ kết quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua đã góp phần ổn định thu nhập và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, tích lũy được nguồn vốn để tái đầu tư mở rộng sản xuất, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cổ đông.

- Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của đơn vị để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và sự cẩn thận cần thiết để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. Sự phối hợp hoạt động và tinh thần đoàn kết nội bộ của cán bộ quản lý đã tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và gắn kết, tạo tiền đề cho Công ty thực hiện và hoàn thành các mục tiêu theo định hướng phát triển chiến lược mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, tình hình thủy văn năm 2013 và dự báo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm kế hoạch, Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và những mục tiêu nhiệm vụ chiến lược trong năm 2013 của Công ty như sau:

3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Sản lượng điện sản xuất	:	729.000.000 kWh
- Tổng doanh thu	:	373,474 tỷ đồng
- Tổng chi phí	:	298,575 tỷ đồng
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	:	74,896 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	:	57,407 tỷ đồng

3.2 Mục tiêu nhiệm vụ chiến lược

- Mở rộng phạm vi hoạt động của Trung tâm dịch vụ và sửa chữa cơ điện, nghiên cứu phát triển các dự án khả thi phù hợp với tình hình tài chính và năng lực quản lý của Công ty.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch thu hút người tài về làm việc tại Công ty.
- Hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, xây dựng cấp giá trị cốt lõi “Chuyên nghiệp - Sáng tạo” nhằm nâng cao vị thế và thương hiệu Công ty.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a. Cơ cấu tổ chức của HĐQT Công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Hội đồng quản trị					
01	Nguyễn Thanh Phú	CT.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	20.057	0,029	
02	Ninh Viết Định	UV. HĐQT	20.000	0,029	Thành viên không điều hành
03	Lê Minh Tuấn	UV. HĐQT	0		
04	Nguyễn Quang Quyền	UV. HĐQT	0		Thành viên không điều hành
05	Nguyễn Anh Vũ	UV. HĐQT	0		Thành viên độc lập không điều hành

b. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ đã tiến hành 4 phiên họp cụ thể như sau:

Phiên họp	Ngày họp	Nội dung và kết quả cuộc họp
01	14/01/2012	- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ được thông qua. - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ được thông qua. - Kế hoạch triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 được thông qua.
02	14/04/2012	- Kết quả kinh doanh quý 1/2012 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2/2012 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ được thông qua. - Các nội dung phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ được thông qua.
03	20/07/2012	- Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ được thông qua. - Sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2012 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ được thông qua.
04	05/10/2012	- Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2012 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ được thông qua. - Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4/2012 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ được thông qua.

2. Ban kiểm soát:**a. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát Công ty:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phiếu nắm giữ	Ghi chú
Ban kiểm soát				
01	Cao Chi Minh Hùng	Trưởng ban KS	500	
02	Nguyễn Văn Tú	TV. BKS	6.100	
03	Lê Ái Tường	TV.BKS	6.095	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012 Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ đã tiến hành họp thường kỳ 4 lần, nội dung cuộc họp nhằm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã thực hiện được một số nhiệm vụ thuộc quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2012.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2012.

- Đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

- Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2011-2015 của đơn vị.

- Lập báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng năm 2013 của Công ty.

- Lập Báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2012 và kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 của đơn vị.

- Tham gia xây dựng, hiệu chỉnh các quy chế quản lý nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm: Quy chế quản lý vật tư, Quy chế sửa chữa lớn tài sản cố định, Quy chế xét và phân phối tiền thưởng vận hành an toàn, Quy trình công bố thông tin.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao	Năm 2012	Năm 2011
Hội đồng quản trị	288.000.000	478.000.000
Ban kiểm soát	157.200.000	157.200.000
Tổng cộng	445.200.000	635.200.000

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị kiểm toán độc lập:

- Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY
- Địa chỉ: Tầng 6, 136 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội
- Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán cho Công ty: Bùi Thị Bích Hồng

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2012, cũng như kết hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

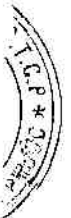
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2012 và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY, và được công bố thông tin tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm báo cáo này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phú





CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 từ trang 5 đến trang 29 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Ninh Viết Định	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phản ánh và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *ku*



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Số: 65/2013/UHY-BCKT

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25/03/2013, trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công tác chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1395/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		348.935.666.995	285.686.266.166
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	198.959.975.782	30.995.694.710
Tiền	111		4.166.906.431	3.195.694.710
Các khoản tương đương tiền	112		194.793.069.351	27.800.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	39.429.314.572	44.318.141.795
Đầu tư ngắn hạn	121		39.429.314.572	44.318.141.795
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.008.439.435	203.871.504.128
Phải thu khách hàng	131		83.794.159.522	191.544.010.713
Trả trước cho người bán	132		213.995.150	2.077.675.000
Các khoản phải thu khác	135	6	21.392.983.618	10.642.517.270
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(392.698.855)	(392.698.855)
Hàng tồn kho	140		5.138.094.645	5.966.138.974
Hàng tồn kho	141	7	5.138.094.645	5.966.138.974
Tài sản ngắn hạn khác	150		399.842.561	534.786.559
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.992.561	160.992.559
Tài sản ngắn hạn khác	158		238.850.000	373.794.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		965.846.862.497	1.035.882.829.022
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		666.695.194.369	796.033.157.722
Tài sản cố định hữu hình	221	8	657.215.174.219	784.579.283.511
- Nguyên giá	222		1.966.021.765.136	1.964.912.875.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.308.806.590.917)	(1.180.333.591.625)
Tài sản cố định vô hình	227	9	9.480.020.150	9.742.944.818
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(589.544.610)	(326.619.942)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.710.929.393
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	299.151.668.128	239.849.671.300
Đầu tư vào công ty con	251		134.493.668.128	39.017.671.300
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.600.000.000	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		162.058.000.000	198.432.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.314.782.529.492	1.321.569.095.188

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		423.067.391.008	511.353.022.565
Nợ ngắn hạn	310		162.825.142.562	173.486.774.119
Vay và nợ ngắn hạn	311	11	77.624.000.000	77.624.000.000
Phải trả người bán	312		11.189.879.457	11.068.102.348
Người mua trả tiền trước	313		923.468.000	717.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	36.979.732.520	49.969.599.856
Phải trả người lao động	315		14.950.597.630	9.184.905.704
Chi phí phải trả	316	13	10.602.511.689	15.894.536.281
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	5.951.477.016	6.235.121.280
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.603.476.250	2.793.508.650
Nợ dài hạn	330		260.242.248.446	337.866.248.446
Vay và nợ dài hạn	334	15	260.242.248.446	337.866.248.446
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		891.715.138.484	810.216.072.623
Vốn chủ sở hữu	410	16	891.715.138.484	810.216.072.623
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.905.440.607	4.796.550.607
Quỹ đầu tư phát triển	417		25.912.186.123	17.587.513.756
Quỹ dự phòng tài chính	418		17.074.246.893	13.350.154.189
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		142.823.264.861	74.481.854.071
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.314.782.529.492	1.321.569.095.188

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	475.999.082.264	374.293.380.995
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		475.999.082.264	374.293.380.995
Giá vốn hàng bán	11	18	222.144.319.603	195.408.348.711
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		253.854.762.661	178.885.032.284
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	10.813.632.320	9.577.957.149
Chi phí tài chính	22	20	57.992.394.432	74.294.224.552
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.941.346.432	74.294.224.552
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.314.630.015	15.380.435.991
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		189.361.370.534	98.788.328.890
Thu nhập khác	31	21	9.596.956.359	3.246.855.620
Chi phí khác	32	22	8.457.381.608	2.714.712.415
Lợi nhuận khác	40		1.139.574.751	532.143.205
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		190.500.945.285	99.320.472.095
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	47.677.680.424	24.838.618.024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		142.823.264.861	74.481.854.071
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.040	1.064

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		190.500.945.285	99.320.472.095
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		128.735.923.960	129.159.137.922
- Các khoản dự phòng	3		-	392.698.855
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(11.700.814.212)	(9.721.204.731)
- Chi phí lãi vay	6		57.941.346.432	74.294.224.552
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		365.477.401.465	293.445.328.693
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		100.450.793.227	(154.947.305.406)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		828.044.329	(856.502.011)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		5.065.989.618	31.621.775.866
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2)	(8.944.030)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(63.233.371.024)	(73.372.421.751)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(58.213.209.813)	(4.584.761.122)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	861.266.924
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.336.098.104)	(4.012.006.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		349.039.549.696	88.146.430.580
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.108.890.000)	(3.021.378.709)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		278.181.818	707.300.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.710.000.000)	(54.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.400.000.000	130.201.963.804
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(62.101.996.828)	(19.877.937.800)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.109.799.786	7.736.264.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.132.905.224)	61.246.211.892
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.624.000.000)	(77.624.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(55.318.363.400)	(42.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(132.942.363.400)	(119.624.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		167.964.281.072	29.768.642.472
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.995.694.710	1.227.052.238
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	198.959.975.782	30.995.694.710

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Thanh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ; đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của Trung tâm Dịch vụ và Sửa chữa Cơ điện.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Quyền sử dụng đất của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian sử dụng đất.

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính này của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết. Tất cả các khoản đầu tư tài chính dài hạn được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là Các Công ty con, công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	987.636.793	1.028.522.660
Tiền gửi ngân hàng	3.179.269.638	2.167.172.050
Các khoản tương đương tiền (*)	194.793.069.351	27.800.000.000
Cộng	198.959.975.782	30.995.694.710

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 12 tháng	32.628.141.795	36.318.141.795
Cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắkrosa vay	3.000.000.000	8.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ vay	3.801.172.777	-
Cộng	39.429.314.572	44.318.141.795

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Trả hộ BQLDA Thủy Điện Thác Mơ mở rộng	9.788.946.802	8.713.577.337
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	545.525.086	1.841.692.552
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk (*)	10.748.952.000	-
Phải thu khác	309.559.730	87.247.381
Cộng	21.392.983.618	10.642.517.270

(*) Xem tại thuyết minh số 10.

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.640.858.470	3.754.204.050
Công cụ, dụng cụ	545.233.987	324.342.434
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	952.002.188	1.887.592.490
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	5.138.094.645	5.966.138.974

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện, vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2012	1.242.435.277.754	597.751.383.753	114.901.676.652	9.824.536.977	1.964.912.875.136
- Mua trong năm	-	183.700.000	-	925.190.000	1.108.890.000
Tại 31/12/2012	1.242.435.277.754	597.935.083.753	114.901.676.652	10.749.726.977	1.966.021.765.136
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại 01/01/2012	645.913.294.892	448.230.373.910	77.079.824.309	9.110.098.514	1.180.333.591.625
- Khấu hao trong năm	42.771.945.696	73.862.559.105	11.596.424.211	242.070.280	128.472.999.292
Tại 31/12/2012	688.685.240.588	522.092.933.015	88.676.248.520	9.352.168.794	1.308.806.590.917
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	596.521.982.862	149.521.009.843	37.821.852.343	714.438.463	784.579.283.511
Tại 31/12/2012	553.750.037.166	75.842.150.738	26.225.428.132	1.397.558.183	657.215.174.219

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

328.607.587.110 đồng

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

16.402.935.556 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043. Tại ngày 31/12/2012, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 5.803.347.185 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 415.413.282 đồng, giá trị còn lại là 5.387.933.903 đồng.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059. Tại ngày 31/12/2012, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 4.266.217.575 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 174.131.328 đồng, giá trị còn lại là 4.092.086.247 đồng.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2012			Tại 01/01/2012		
	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con	3.315.507		134.493.668.128	2.700.000		39.017.671.300
Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	3.315.507	99,65	86.220.968.128	2.700.000	100	39.017.671.300
Công ty CP Thủy điện Đắkrosa		60,7	48.272.700.000			-
Đầu tư vào Công ty liên kết	260.000		2.600.000.000	240.000		2.400.000.000
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	260.000	20	2.600.000.000	240.000	20	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	13.610.000		162.058.000.000	13.610.000		198.432.000.000
Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	110.000	10	1.100.000.000	110.000	10	1.100.000.000
Công ty CP Thủy điện Sêsan 4			9.978.000.000			9.978.000.000
Công ty CP Thủy điện Sêrêpok (*)			-			10.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Đắkrosa			-			26.974.000.000
Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ			1.400.000.000			-
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3	149.580.000.000	13.500.000	3	149.580.000.000
Cộng	17.185.507		299.151.668.128	16.550.000		239.849.671.300

(*): Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpok ngày 14/11/2012, Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể và thanh lý tài sản của Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpok và hoàn trả vốn góp cho các cổ đông góp vốn. Do đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpok được trình bày thành khoản phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2012.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	77.624.000.000	77.624.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	42.624.000.000	42.624.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (*)	35.000.000.000	35.000.000.000

(*) Xem tại phần Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	1.707.024.455	11.630.012.432
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.469.326.865	24.904.923.448
Thuế thu nhập cá nhân	78.284.350	49.788.382
Thuế tài nguyên	1.791.293.790	864.782.554
Các loại thuế khác (*)	18.933.803.060	12.520.093.040
Cộng	36.979.732.520	49.969.599.856

(*) Là khoản phí dịch vụ môi trường rừng.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.786.261.690	6.407.591.837
Lãi vay Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	6.816.249.999	9.486.944.444
Cộng	10.602.511.689	15.894.536.281

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	65.220.060	78.321.658
Phải trả cổ tức cho cổ đông	5.048.794.412	4.367.157.812
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Điện 3	112.000.000	112.000.000
Các khoản phải trả khác	725.462.544	1.677.641.810
Cộng	5.951.477.016	6.235.121.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	260.242.248.446	337.866.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam (1)	85.242.248.446	127.866.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	175.000.000.000	210.000.000.000
Cộng	260.242.248.446	337.866.248.446

- (1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ. Từ 2011 đến 2015 Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm.
- (2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa 10 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên, gốc và lãi được trả 3 tháng /lần từ ngày 11/04/2009. Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2012	
	Cổ phiếu	VND
Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	36.341.500	363.415.000.000
Công ty tài chính cổ phần điện lực	16.109.210	161.092.100.000
Công ty cổ phần cơ điện lạnh	8.723.020	87.230.200.000
Cổ đông khác	8.826.270	88.262.700.000
Cộng	70.000.000	700.000.000.000

16.2 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành, góp vốn đầy đủ	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu):</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tại 01/01/2011	700.000.000.000		-		12.057.749.614		12.197.387.119		56.343.736.819		780.598.873.552	
Lợi nhuận tăng trong năm	-		-		-		-		74.481.854.071		74.481.854.071	
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-		-		10.326.314.749		1.152.767.070		(11.479.081.819)		-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		(2.864.655.000)		(2.864.655.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010	-		-		-		-		(42.000.000.000)		(42.000.000.000)	
Chuyển nguồn vốn	-		4.796.550.607		(4.796.550.607)		-		-		-	
Tại 31/12/2011	700.000.000.000		4.796.550.607		17.587.513.756		13.350.154.189		74.481.854.071		810.216.072.623	
Tại 01/01/2012	700.000.000.000		4.796.550.607		17.587.513.756		13.350.154.189		74.481.854.071		810.216.072.623	
Lãi trong năm	-		-		-		-		142.823.264.861		142.823.264.861	
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-		-		9.433.562.367		3.724.092.704		(13.157.655.071)		-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		(5.324.199.000)		(5.324.199.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011 (*)	-		-		-		-		(56.000.000.000)		(56.000.000.000)	
Chuyển nguồn vốn (**)	-		1.108.890.000		(1.108.890.000)		-		-		-	
Tại 31/12/2012	700.000.000.000		5.905.440.607		25.912.186.123		17.074.246.893		142.823.264.861		891.715.138.484	

(*) Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 10/05/2012 quyết định chia cổ tức năm 2011 là 8% tính trên mệnh giá cổ phần.

(**) Tăng Vốn khác của chủ sở hữu đối với việc mua sắm tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.4 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	25.912.186.123	17.587.513.756
Quỹ dự phòng tài chính	17.074.246.893	13.350.154.189
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	5.905.440.607	4.796.550.607

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	475.999.082.264	374.293.380.995
Trong đó:		
+ Doanh thu bán điện	467.584.211.464	371.310.763.908
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.414.870.800	2.982.617.087

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	215.613.233.530	193.301.596.613
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.531.086.073	2.106.752.098
Cộng	222.144.319.603	195.408.348.711

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.593.632.320	9.379.957.149
Cổ tức, lợi nhuận được chia	220.000.000	198.000.000
Cộng	10.813.632.320	9.577.957.149

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay dài hạn	57.941.346.432	74.294.224.552
Lỗ từ đầu tư tài chính dài hạn	51.048.000	-
Cộng	57.992.394.432	74.294.224.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản, thiết bị, vật tư	278.181.818	707.300.000
Doanh thu chuyển nhượng nhà máy nước OBF	8.910.157.070	-
Khác	408.617.471	2.539.555.620
Cộng	9.596.956.359	3.246.855.620

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản, thiết bị, vật tư	214.202.298	564.052.418
Chi phí dự án Nhà máy nước OBF	8.035.906.698	-
Khác	207.272.612	2.150.659.997
Cộng	8.457.381.608	2.714.712.415

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	190.500.945.285	99.320.472.095
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	209.776.412	34.000.000
+ Chi phí không được trừ khi tính thuế	429.776.412	232.000.000
+ Thu nhập không chịu thuế	220.000.000	(198.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	190.710.721.697	99.354.472.095
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	47.677.680.424	24.838.618.024
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	47.677.680.424	24.838.618.024

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	142.823.264.861	74.481.854.071
Số điều chỉnh giảm	-	-
Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	142.823.264.861	74.481.854.071
Số cổ phiếu bình quân	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.040	1.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Vật Liệu	4.084.326.788	2.168.877.414
2. Lương và bảo hiểm xã hội	26.475.251.185	20.827.916.912
- Lương CNV	25.149.478.000	19.931.997.000
- BHXH, BHYT, KPCD, BHTN	1.325.773.185	895.919.912
3. Khấu hao TSCĐ	128.735.923.960	129.159.137.922
4. Các khoản dịch vụ mua ngoài	2.669.823.038	5.152.927.448
- Điện dùng nội bộ	84.735.435	86.083.694
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.585.087.603	5.066.843.754
5. Chi phí sửa chữa lớn	19.992.510.556	17.400.781.466
- Sửa chữa lớn thuê ngoài	16.072.903.200	9.224.714.306
- Sửa chữa lớn tự làm	3.919.607.356	8.176.067.160
6. Chi phí bằng tiền khác	50.970.028.018	33.972.391.442
- Thuế tài nguyên	25.404.334.541	15.408.260.770
- Phí môi trường rừng	18.933.803.060	12.520.093.040
- Thuế đất	41.301.000	56.118.099
- Ăn ca	1.025.619.000	889.398.000
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	91.326.084	25.222.000
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	392.698.855
- Chi phí bằng tiền khác	5.473.644.333	4.680.600.678
Cộng từ 1 đến 6	232.927.863.545	208.682.032.604
Chi phí lãi vay	57.941.346.432	74.294.224.552
Cộng	290.869.209.977	282.976.257.156

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu với các bên liên quan	469.629.636.234	371.476.397.379
- Doanh thu bán hàng với Công ty mua bán điện	467.512.993.495	371.233.278.729
- Doanh thu thí nghiệm điện cho Công ty CP Thủy Điện Đăcrosa	243.628.850	243.118.650
- Doanh thu tài chính với Công ty CP Thủy điện Đăcrosa	1.873.013.889	-
Chi phí với các bên liên quan	57.941.346.432	74.294.224.552
- Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	23.432.542.266	30.540.068.303
- Chi phí lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	34.508.804.166	43.754.156.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu	80.180.750.163	189.826.733.450
- Công ty mua bán điện	79.245.014.024	189.559.302.935
Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa	935.736.139	267.430.515
Các khoản phải trả	112.000.000	1.196.654.364
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	1.084.654.364
- TT Viễn thông điện lực Miền Nam - EVN Telecom	-	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	112.000.000	112.000.000
Các khoản vay	337.866.248.446	415.490.248.446
- Vay của Tập đoàn Điện lực	127.866.248.446	170.490.248.446
- Vay của Công ty tài chính CP Điện lực	210.000.000.000	245.000.000.000
Chi phí phải trả	10.602.511.689	15.894.536.281
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	3.786.261.690	6.407.591.837
- Lãi vay phải trả Công ty tài chính CP Điện lực	6.816.249.999	9.486.944.444

27. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	288.000.000	478.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	157.200.000	157.200.000
Cộng	445.200.000	635.200.000

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh điện và các dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2012

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

	Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
			Cộng
	467.584.211.464	8.414.870.800	475.999.082.264
	467.584.211.464	8.414.870.800	475.999.082.264
	215.613.233.530	6.531.086.073	222.144.319.603
	251.970.977.934	1.883.784.727	253.854.762.661
			(17.314.630.015)
			236.540.132.646
			10.813.632.320
			(57.992.394.432)
			9.596.956.359
			(8.457.381.608)
			(47.677.680.424)
			-
			142.823.264.861
	-	-	-
	128.735.923.960	-	128.735.923.960
	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP)

Năm 2011

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
371.310.763.908	2.982.617.087	Cộng
371.310.763.908	2.982.617.087	374.293.380.995
193.301.596.613	2.106.752.098	374.293.380.995
178.009.167.295	875.864.989	195.408.348.711
		178.885.032.284
		(15.380.435.991)
		163.504.596.293
		9.577.957.149
		(74.294.224.552)
		3.246.855.620
		(2.714.712.415)
		(24.838.618.024)
		-
		74.481.854.071
-	-	-
129.159.137.922	-	129.159.137.922
-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị số sách	
	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	198.959.975.782	30.995.694.710
Đầu tư ngắn hạn	39.429.314.572	44.318.141.795
Phải thu khách hàng	83.401.460.667	191.151.311.858
Các khoản phải thu khác	21.392.983.618	10.642.517.270
Cộng	343.183.734.639	277.107.665.633
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	11.189.879.457	11.068.102.348
Vay và nợ	337.866.248.446	415.490.248.446
Chi phí phải trả	10.602.511.689	15.894.536.281
Các khoản phải trả khác	5.951.477.016	6.235.121.280
Cộng	365.610.116.608	448.688.008.355

TÀI SẢN ĐẢM BẢO***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 31/12/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.189.879.457	-	-	11.189.879.457
Vay và nợ	77.624.000.000	225.242.248.446	35.000.000.000	337.866.248.446
Chi phí phải trả	10.602.511.689	-	-	10.602.511.689
Các khoản phải trả khác	5.951.477.016	-	-	5.951.477.016
Cộng	105.367.868.162	225.242.248.446	35.000.000.000	365.610.116.608
Tại 01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.068.102.348	-	-	11.068.102.348
Vay và nợ	77.624.000.000	267.866.248.446	70.000.000.000	415.490.248.446
Chi phí phải trả	15.894.536.281	-	-	15.894.536.281
Các khoản phải trả khác	6.235.121.280	-	-	6.235.121.280
Cộng	110.821.759.909	267.866.248.446	70.000.000.000	448.688.008.355

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 31/12/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	198.959.975.782	-	-	198.959.975.782
Đầu tư ngắn hạn	39.429.314.572	-	-	39.429.314.572
Phải thu khách hàng	83.401.460.667	-	-	83.401.460.667
Các khoản phải thu khác	21.392.983.618	-	-	21.392.983.618
Cộng	343.183.734.639	-	-	343.183.734.639
Tại 01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	30.995.694.710	-	-	30.995.694.710
Đầu tư ngắn hạn	44.318.141.795	-	-	44.318.141.795
Phải thu khách hàng	191.151.311.858	-	-	191.151.311.858
Các khoản phải thu khác	10.642.517.270	-	-	10.642.517.270
Cộng	277.107.665.633	-	-	277.107.665.633

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Phú



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán - Thuế - Tài chính doanh nghiệp - Đào tạo

Tổng số chính
Tầng 6, 136 Hoàng Quốc Việt
Hà Nội, Việt Nam
Phone: +844 3755 7446
Fax: +844 3755 7448
Thành viên hàng UHY Quốc Tế

Chi nhánh Hồ Chí Minh
46 Trương Quyền
Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Phone: +848 3820 4899
Fax: +848 3820 4909
www.uhyvietnam.com.vn



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ

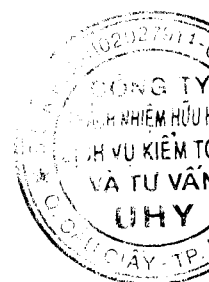
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 từ trang 5 đến trang 28 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Ninh Viết Định	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *luu*



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		385.455.758.537	288.653.239.397
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	199.517.254.347	31.203.874.984
Tiền	111		4.724.184.996	3.265.279.553
Các khoản tương đương tiền	112		194.793.069.351	27.938.595.431
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.429.314.572	44.318.141.795
Đầu tư ngắn hạn	121	5	36.429.314.572	44.318.141.795
Các khoản phải thu	130		139.393.405.685	205.773.087.028
Phải thu khách hàng	131		87.703.348.858	191.544.010.713
Trả trước cho người bán	132		19.962.179.242	3.166.675.000
Các khoản phải thu khác	135	6	32.120.576.440	11.455.100.170
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(392.698.855)	(392.698.855)
Hàng tồn kho	140	9	5.661.720.590	5.966.138.974
Hàng tồn kho	141		5.661.720.590	5.966.138.974
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.454.063.343	1.391.996.616
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.992.561	160.992.559
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.656.899.782	827.210.057
Tài sản ngắn hạn khác	158		636.171.000	403.794.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.080.575.019.238	1.034.691.879.430
Tài sản cố định	220		915.017.041.461	833.635.121.006
Tài sản cố định hữu hình	221	7	837.605.756.044	784.579.283.511
- Nguyên giá	222		2.170.030.468.809	1.964.912.875.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.332.424.712.765)	(1.180.333.591.625)
Tài sản cố định vô hình	227	8	13.298.539.844	9.742.944.818
- Nguyên giá	228		15.252.657.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.954.117.916)	(326.619.942)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	64.112.745.573	39.312.892.677
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	164.735.722.804	200.912.531.780
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.677.722.804	2.480.531.780
Đầu tư dài hạn khác	258		162.058.000.000	198.432.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		822.254.973	144.226.644
Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		697.713.080	19.684.751
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.466.030.777.775	1.323.345.118.827

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		535.110.578.893	512.382.732.015
Nợ ngắn hạn	310		204.348.383.491	174.516.483.569
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	95.124.000.000	77.624.000.000
Phải trả người bán	312		22.206.310.146	11.897.120.780
Người mua trả tiền trước	313		923.468.000	717.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	39.934.551.007	49.999.553.616
Phải trả công nhân viên	315		16.107.970.399	9.334.268.781
Chi phí phải trả	316	14	12.290.245.289	15.894.536.281
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	13.202.371.274	6.256.495.461
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.559.467.376	2.793.508.650
Nợ dài hạn	330		330.762.195.402	337.866.248.446
Vay và nợ dài hạn	334	16	330.762.195.402	337.866.248.446
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		896.041.827.173	810.962.386.812
Vốn chủ sở hữu	410	17	896.041.827.173	810.962.386.812
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.905.440.607	4.796.550.607
Quỹ đầu tư phát triển	417		25.947.980.086	17.601.346.191
Quỹ dự phòng tài chính	418		17.106.732.663	13.354.106.313
Lợi nhuận chưa phân phối	420		147.081.673.817	75.210.383.701
Quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		34.878.371.709	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.466.030.777.775	1.323.345.118.827

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

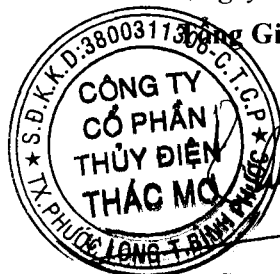
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	516.354.628.139	374.293.380.995
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	18	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	516.354.628.139	374.293.380.995
Giá vốn hàng bán	11	19	235.374.328.530	195.408.348.711
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		280.980.299.609	178.885.032.284
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	9.032.260.479	9.683.220.849
Chi phí tài chính	22	21	73.311.086.471	74.294.224.552
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		73.260.038.471	74.294.224.552
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.487.616.400	15.380.435.991
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		196.213.857.217	98.893.592.590
Thu nhập khác	31	22	12.539.017.589	3.246.855.620
Chi phí khác	32	23	11.393.981.869	2.714.712.415
Lợi nhuận khác	40		1.145.035.720	532.143.205
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		9.791.023	50.890.848
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		197.368.683.960	99.476.626.643
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		48.055.767.599	24.864.933.949
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(678.028.329)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		149.990.944.690	74.611.692.694
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.596.794.098	-
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		146.394.150.592	74.611.692.694
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.091	1.066

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh



Giám đốc

Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		149.990.944.690	99.476.626.643
Khấu hao TSCĐ	2		138.896.541.904	129.159.137.922
Các khoản dự phòng	3		-	392.698.855
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(9.970.490.371)	(9.877.359.279)
Chi phí lãi vay	6		73.260.038.471	74.294.224.552
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8		352.177.034.695	293.445.328.693
Tăng giảm các khoản phải thu	9		66.379.681.343	(146.183.477.507)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		304.418.384	(856.502.011)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(74.140.237.151)	31.395.851.264
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2)	(8.944.030)
Tiền lãi vay đã trả	13		76.864.329.463	(73.372.421.751)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(58.272.484.830)	(4.584.761.122)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	861.266.924
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.126.784.196)	(4.012.006.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		355.185.957.705	96.684.333.877
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(44.557.003.093)	(22.122.548.889)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		278.181.818	707.300.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.710.000.000)	(54.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		33.400.000.000	130.201.963.804
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.898.700.000)	(9.860.266.500)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.618.941.834	7.841.528.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(50.868.579.441)	52.267.976.712
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16.500.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(95.024.000.000)	(77.624.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(57.479.998.901)	(42.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(136.003.998.901)	(119.624.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		168.313.379.363	29.328.310.589
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.203.874.984	1.875.564.395
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	199.517.254.347	31.203.874.984

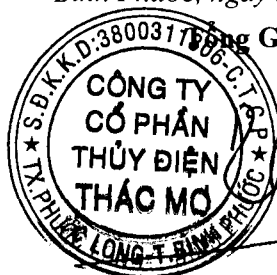
Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Giám đốc



Nguyễn Thanh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ; đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3. Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên

- Địa chỉ: số 160 Trần Phú, Xã Lộc Nga, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,65%
- Tỷ lệ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắkrosa

- Địa chỉ: 117 Lê Đại Hành, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60,69%
- Tỷ lệ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60,69%

1.4. Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình

- Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 20%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”) và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được hợp nhất trên cơ sở số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên kết đã được kiểm toán. Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty và các công ty con được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.4 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Riêng đối với các khoản đầu tư dài hạn vào các Công ty đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty chưa xem xét thực hiện đánh giá, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết. Tất cả các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

3.7 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là Các Công ty con, công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	987.690.990 /	1.028.522.660 /
Tiền gửi ngân hàng	3.736.494.006 /	2.236.756.893 /
Các khoản tương đương tiền	194.793.069.351 /	27.938.595.431 /
Tổng cộng	199.517.254.347 /	31.203.874.984 /

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng dưới 1 năm	32.628.141.795 /	36.318.141.795 /
Cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkrosa vay	-	8.000.000.000 /
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ vay	3.801.172.777 /	-
Tổng cộng	36.429.314.572 /	44.318.141.795 /

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Trả hộ BQLDA Thủy Điện Thác Mơ mở rộng	9.788.946.802 -	8.713.577.337 /
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	255.011.197 /	1.841.692.552 /
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk (*)	10.748.952.000 /	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.030.000.000 /	-
Phải thu khác	9.297.666.441 /	899.830.281 /
Tổng cộng	32.120.576.440 /	11.455.100.170

(*): Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk ngày 14/11/2012, Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể và thanh lý tài sản của Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk và hoàn trả vốn góp cho các cổ đông góp vốn. Do đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk được trình bày thành khoản phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Đơn vị tính: VND Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2012	1.242.435.277.754	597.751.383.753	114.901.676.652	9.824.536.977	1.964.912.875.136
- Mua sắm mới trong năm	-	183.700.000	-	1.016.424.545	1.200.124.545
- Đầu tư XDCB hoàn thành	64.794.026.236	-	-	-	64.794.026.236
- Tăng khác (*)	137.929.870.097	236.125.601	780.464.727	176.982.467	139.123.442.892
Tại 31/12/2012	1.445.159.174.087	598.171.209.354	115.682.141.379	11.017.943.989	2.170.030.468.809
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2012	645.913.294.892	448.230.373.910	77.079.824.309	9.110.098.514	1.180.333.591.625
- Khấu hao trong năm	52.466.505.655	73.884.020.391	11.693.982.302	289.187.856	138.333.696.203
- Tăng khác (*)	13.144.475.638	128.819.173	335.605.293	148.524.833	13.757.424.937
Tại 31/12/2012	711.524.276.185	522.243.213.474	89.109.411.904	9.547.811.203	1.332.424.712.765
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2012	596.521.982.862	149.521.009.843	37.821.852.343	714.438.463	784.579.283.511
Tại 31/12/2012	733.634.897.902	75.927.995.880	26.572.729.475	1.470.132.786	837.605.756.044
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay:					510.290.541.176
Nguyên giá tài sản cố định tại 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					16.615.696.442

(*) Tăng tài sản của Công ty con mới được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu Cosevco VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ Vô hình				
Tại 01/01/2012	10.069.564.760	-	-	10.069.564.760
Tăng khác (*)	3.113.893.000	2.000.000.000	69.200.000	5.183.093.000
Tại 31/12/2012	13.183.457.760	2.000.000.000	69.200.000	15.252.657.760
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2012	326.619.942	-	-	326.619.942
Khấu hao trong năm	339.779.034	200.000.000	23.066.667	562.845.701
Tăng khác (*)	238.702.273	800.000.000	25.950.000	1.064.652.273
Tại 31/12/2012	905.101.249	1.000.000.000	49.016.667	1.954.117.916
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Tại 01/01/2012	9.742.944.818	-	-	9.742.944.818
Tại 31/12/2012	12.278.356.511	1.000.000.000	20.183.333	13.298.539.844

(*) Tăng tài sản của các Công ty con mới được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Nguyên vật liệu	3.659.821.587	3.754.204.050
Công cụ dụng cụ	553.898.020	324.342.434
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.448.000.983	1.887.592.490
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.661.720.590	5.966.138.974

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình		
- Dự án Thủy điện Đại Nga	64.112.745.573	39.312.892.677
Tổng cộng	64.112.745.573	39.312.892.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.677.722.804	2.480.531.780
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	2.677.722.804	2.480.531.780
Đầu tư dài hạn khác	162.058.000.000	198.432.000.000
Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty CP thủy điện Sêsan 4	9.978.000.000	9.978.000.000
Công ty CP thủy điện Sêrêpok (*)	-	10.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	-	26.974.000.000
Trong đó:		
+ Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	-	17.974.000.000
+ Dự án Nhà máy Thủy điện Đăkrosa 2	-	9.000.000.000
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	149.580.000.000
Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	1.400.000.000	-
Tổng cộng	164.735.722.804	200.912.531.780

(*) Xem tại thuyết minh số 6

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	95.124.000.000	77.624.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	42.624.000.000	42.624.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	35.000.000.000	35.000.000.000
- Ngân hàng NN&PT NT Gia Lai	17.100.000.000	-
- Ngân hàng Ngoại Thương Kon Tum	400.000.000	-
Tổng cộng	95.124.000.000	77.624.000.000

(*) Xem tại thuyết minh số 16

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.674.612.583	11.630.012.432
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.847.451.875	24.931.277.208
Thuế thu nhập cá nhân	81.062.243	53.388.382
Thuế tài nguyên	2.397.621.246	864.782.554
Thuế khác	18.933.803.060	12.520.093.040
Tổng cộng	39.934.551.007	49.999.553.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.786.261.690	6.407.591.837
Lãi vay Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	6.816.249.999	9.486.944.444
Chi phí khác	1.687.733.600	-
Tổng cộng	12.290.245.289	15.894.536.281

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	65.220.060	78.321.658
Phải trả cổ tức cho cổ đông	5.847.156.713	4.367.157.812
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Điện 3	112.000.000	112.000.000
Dự chi lãi	2.451.683.793	-
Phải trả Tổng Công ty Miền trung	2.635.446.868	-
Nguyễn Văn Kiên	1.200.000.000	-
Khác	890.863.840	1.699.015.991
Tổng cộng	13.202.371.274	6.256.495.461

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	330.762.195.402	337.866.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam (1)	85.242.248.446	127.866.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	175.000.000.000	210.000.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Gia Lai (3)	70.219.946.956	-
- Ngân hàng Ngoại thương Kon Tum (4)	300.000.000	-
Tổng cộng	330.762.195.402	337.866.248.446

- (1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ. Từ 2011 đến 2015 Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm.
- (2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa 10 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên, gốc và lãi được trả 3 tháng /lần từ ngày 11/04/2009. Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

- (3) Là khoản vay giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa và Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai cùng Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hoàng Quốc Việt theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng số 89/HĐTD ngày 05/01/2004, mục đích vay để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của dự án Nhà máy Thủy điện Đăkrosa, thời hạn vay 12 năm, trả lãi sau theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai công bố.
- Hợp đồng số 68/HĐTD ngày 26/05/2010, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng dự án công trình Thủy điện Đăkrosa 2, thời hạn vay 12 năm, trả lãi sau theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai công bố.

Tài sản đảm bảo của hai hợp đồng này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.

- (4) Là khoản vay theo Hợp đồng số 110/10/NHNT ngày 22/11/2010 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt nam - Chi nhánh Kon Tum, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay được xác định theo lãi suất thông báo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Ngoại Thương - Chi nhánh Kon Tum tại ngày rút vốn, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Mục đích vay đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2011	700.000.000.000	12.057.749.614	12.197.387.119	-	56.930.571.453	781.185.708.186
Lãi trong năm	-	-	-	-	74.611.692.694	74.611.692.694
Phân phối quỹ năm 2010	-	10.326.314.749	1.152.767.070	-	(11.479.081.819)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.864.655.000)	(2.864.655.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	(42.000.000.000)	(42.000.000.000)
Chuyển nguồn vốn	-	(4.796.550.607)	-	4.796.550.607	-	-
Lợi ích trong công ty liên kết, liên doanh	-	13.832.435	3.952.124	-	11.856.373	29.640.932
Tại 31/12/2011	700.000.000.000	17.601.346.191	13.354.106.313	4.796.550.607	75.210.383.701	810.962.386.812
Tại 01/01/2012	700.000.000.000	17.601.346.191	13.354.106.313	4.796.550.607	75.210.383.701	810.962.386.812
Lãi trong năm	-	-	-	-	149.990.944.690	149.990.944.690
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	9.433.562.367	3.724.092.704	-	(13.157.655.071)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.324.199.000)	(5.324.199.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	(56.000.000.000)	(56.000.000.000)
Chuyển nguồn vốn	-	(1.108.890.000)	-	1.108.890.000	-	-
Điều chỉnh do hợp nhất	-	21.961.528	28.533.646	-	(3.637.800.503)	(3.587.305.329)
Tại 31/12/2012	700.000.000.000	25.947.980.086	17.106.732.663	5.905.440.607	147.081.673.817	896.041.827.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	516.354.628.139	374.293.380.995
- Doanh thu bán điện	509.097.406.171	371.310.763.908
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.257.221.968	2.982.617.087
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	516.354.628.139	374.293.380.995

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	229.086.871.307	193.301.596.613
Giá vốn dịch vụ khác	6.287.457.223	2.106.752.098
Tổng cộng	235.374.328.530	195.408.348.711

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.812.260.479	9.485.220.849
Cổ tức, lợi nhuận được chia	220.000.000	198.000.000
Tổng cộng	9.032.260.479	9.683.220.849

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	74.750.680.471	74.294.224.552
Lỗ từ đầu tư tài chính dài hạn	51.048.000	-
Tiền hỗ trợ lãi vay nhận được sau đầu tư	(1.490.642.000)	-
Tổng cộng	73.311.086.471	74.294.224.552

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản, thiết bị	278.181.818	707.300.000
Điều chỉnh khấu hao theo biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2010	-	2.359.659.142
Doanh thu chuyển nhượng nhà máy nước OBF	8.910.157.070	-
Thu nhập khác	3.350.678.701	179.896.478
Tổng cộng	12.539.017.589	3.246.855.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	214.202.298	564.052.418
Điều chỉnh khấu hao theo biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2010	-	2.030.659.997
Giá trị xây dựng nhà máy nước OBF chuyển nhượng	8.035.906.698	-
Chi phí khác	3.143.872.873	120.000.000
Tổng cộng	11.393.981.869	2.714.712.415

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vật Liệu	5.201.912.570	2.168.877.414
Lương và bảo hiểm xã hội	29.885.731.935	20.827.916.912
Khấu hao TSCĐ	138.896.541.904	129.159.137.922
Chi phí khác	155.188.844.992	132.927.077.006
Tổng cộng	329.173.031.401	285.083.009.254

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh điện và các dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2012	Đơn vị tính: VND	
	Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	509.097.406.171	7.257.221.968
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.097.406.171	7.257.221.968
Chi phí bộ phận	229.086.871.307	6.287.457.223
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	280.010.534.864	969.764.745
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(20.487.616.400)
Doanh thu hoạt động tài chính		260.492.683.209
Chi phí tài chính		9.032.260.479
Thu nhập khác		(73.311.086.471)
Chi phí khác		12.539.017.589
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh		(11.393.981.869)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		9.791.023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(48.055.767.599)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		678.028.329
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	138.896.541.904	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	199.517.254.347	31.203.874.984
Đầu tư ngắn hạn	36.429.314.572	44.318.141.795
Phải thu khách hàng	87.310.650.003	191.151.311.858
Các khoản phải thu khác	32.120.576.440	11.455.100.170
Cộng	355.377.795.362	278.128.428.807
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	22.206.310.146	11.897.120.780
Vay và nợ	425.886.195.402	415.490.248.446
Chi phí phải trả	12.290.245.289	15.894.536.281
Các khoản phải trả khác	13.202.371.274	6.256.495.461
Cộng	473.585.122.111	449.538.400.968

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 31/12/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	22.206.310.146	-	-	22.206.310.146
Vay và nợ	95.124.000.000	275.471.567.304	55.290.628.098	425.886.195.402
Các khoản phải trả khác	13.202.371.274	-	-	13.202.371.274
Chi phí phải trả	12.290.245.289	-	-	12.290.245.289
Cộng	142.822.926.709	275.471.567.304	55.290.628.098	473.585.122.111
Tại 01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.897.120.780	-	-	11.897.120.780
Vay và nợ	77.624.000.000	267.866.248.446	70.000.000.000	415.490.248.446
Các khoản phải trả khác	6.256.495.461	-	-	6.256.495.461
Chi phí phải trả	15.894.536.281	-	-	15.894.536.281
Cộng	111.672.152.522	267.866.248.446	70.000.000.000	449.538.400.968

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 31/12/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	199.517.254.347	-	-	199.517.254.347
Đầu tư ngắn hạn	36.429.314.572	-	-	36.429.314.572
Phải thu khách hàng	87.310.650.003	-	-	87.310.650.003
Các khoản phải thu khác	32.120.576.440	-	-	32.120.576.440
Cộng	355.377.795.362	-	-	355.377.795.362
Tại 01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	31.203.874.984	-	-	31.203.874.984
Đầu tư ngắn hạn	44.318.141.795	-	-	44.318.141.795
Phải thu khách hàng	191.151.311.858	-	-	191.151.311.858
Các khoản phải thu khác	11.455.100.170	-	-	11.455.100.170
Cộng	278.128.428.807	-	-	278.128.428.807

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu với các bên liên quan	467.512.993.495	371.233.278.729
- Doanh thu bán hàng với Công ty mua bán điện	467.512.993.495	371.233.278.729
Chi phí với các bên liên quan	57.941.346.432	74.294.224.552
- Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	23.432.542.266	30.540.068.303
- Chi phí lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	34.508.804.166	43.754.156.249

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Các khoản phải thu	79.245.014.024	189.559.302.935
- Công ty mua bán điện	79.245.014.024	189.559.302.935
Các khoản phải trả	112.000.000	1.205.951.564
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	1.084.654.364
- TT Viễn thông điện lực Miền Nam - EVN Telecom	-	9.297.200
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	112.000.000	112.000.000
Các khoản vay	337.866.248.446	415.490.248.446
- Vay của Tập đoàn Điện lực	127.866.248.446	170.490.248.446
- Vay của Công ty tài chính CP Điện lực	210.000.000.000	245.000.000.000
Chi phí phải trả	10.602.511.689	15.894.536.281
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	3.786.261.690	6.407.591.837
- Lãi vay phải trả Công ty tài chính CP Điện lực	6.816.249.999	9.486.944.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Phú



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán Thuế Tài chính doanh nghiệp Đào tạo

Trụ sở chính
Tầng 6, 136 Hoàng Quốc Việt
Hà Nội, Việt Nam
Phone: +844 3755 7446
Fax: +844 3755 7448

Thành viên hàng UHY Quốc Tế

Chi nhánh Hồ Chí Minh
46 Trương Quyền
Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Phone: +848 3820 4899
Fax: +848 3820 4909

www.uhyvietnam.com.vn